

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-PT

Ngày 27-4-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 110B/1 Khu vực 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 110B/1 Khu vực 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021 của nguyên đơn là bà Huỳnh Ngọc H và cùng những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu nhau và sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 21 tháng 6 năm 1994. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T thường xuyên cờ bạc gây nợ, bà nhiều lần khuyên can nhưng ông T không thay đổi. Bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vào năm 2016 và năm 2018 nhưng ông T có năn nỉ nên vì gia đình bà đã hai lần rút đơn khởi kiện nhưng sau đó ông T vẫn không thay đổi. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2019 đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có hai con chung tên là Lê Văn Đoan H1, sinh năm 1995 và Lê Thị Thanh T1, sinh năm 2001 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Văn T có lời trình bày như sau: Ông T thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình nên bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông còn yêu vợ thương con.

Về con chung: Ông và bà H có hai con chung tên là Lê Văn Đoan H1, sinh năm 1995 và Lê Thị Thanh T1, sinh năm 2001.

Về tài sản chung: Ông và bà H có nhà và đất nhưng khi ly hôn ông không tranh chấp, không yêu cầu chia. Ông T có ý kiến là để tài sản lại cho hai con chung.

Về nợ chung: Cam kết không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T có ý kiến đồng ý ly hôn với bà H với điều kiện là bà H phải chuyển nhượng tài sản là diện tích đất và căn nhà cho các con đứng tên, ông không tranh chấp yêu cầu chia tài sản cho ông.

Vụ án đã được hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 0/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với ông T.

Về hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Cháu Lê Văn Đoan H1, sinh năm 1995 và Lê Thị Thanh T1, sinh năm 2001; đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà H và ông T đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009065 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (Bà H đã nộp xong án phí).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, bị đơn ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông T vẫn nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông T trình bày: Ông đồng ý ly hôn với điều kiện tài sản chung của vợ chồng phần của ông thì cho lại cho các con là Lê Văn Đoan H1 và Lê Thị Thanh T1. Trường hợp không cho lại con thì ông không đồng ý ly hôn. Ông xác định bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn nên tình cảm của ông đối với bà H không còn.

Bà H trình bày: Hiện nay ông T bị bệnh nên nhà và đất tài sản chung ông T và các con hiện đang sinh sống và bà vẫn phải chăm sóc ông T. Nên bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung để các bên tự thỏa thuận. Bà chỉ yêu cầu được ly hôn với ông T để từ nay về sau bà không còn trách nhiệm về các khoản nợ do ông T gây ra.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông T kháng cáo chỉ đồng ý ly hôn khi nào tài sản chung để lại cho các con. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm các bên thống nhất tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét vì vậy cấp phúc

chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết nên yêu cầu kháng cáo của ông T không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông T hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn về toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông T thấy rằng: Bà H và ông T tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/1994 đăng ký ngày 21 tháng 6 năm 1994 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không chăm lo cho gia đình hay cờ bạc, gây nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, cả bà H và ông T đề xác định không còn tình cảm với nhau, bà H yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý nhưng có yêu cầu phải giao tài sản chung của vợ chồng cho con chung là Lê Văn Đoan H1 và Lê Thị Thanh T1. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T là có căn cứ. Ông T trình bày vợ chồng có đất và căn nhà trên đất nhưng khi ly hôn ông không tranh chấp và không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên việc yêu cầu phải giao tài sản chung của vợ chồng cho con chung là Lê Văn Đoan H1 và Lê Thị Thanh T1, đây là quan hệ tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn. Các đương sự không có yêu cầu chia tài sản tại Tòa án sơ thẩm nên Tòa án phúc thẩm không xem xét yêu cầu này của ông T. Trường hợp ông T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Từ nhận định mục [3] không chấp nhận kháng cáo của ông T. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc H về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Lê Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc H được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Cháu Lê Văn Đoan H1, sinh năm 1995 và Lê Thị Thanh T1, sinh năm 2001, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc H và ông Lê Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc H và ông Lê Văn T đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Ngọc H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009065 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (Bà Huỳnh Ngọc H đã nộp xong án phí).

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Lê Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0009487 ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Lê Thị Bích Tuyền